

CÂU CHUYỆN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SAU 30 NĂM THU HÚT FDI TẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Giao
Đại học Thương mại

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến tháng 9/2018, Việt Nam thu hút được 26.646 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 334 tỷ USD, trong đó phần lớn số dự án là đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài. Vốn thực hiện lũy kế ước đạt 185,62 tỷ USD, bằng 55,5% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 190,8 tỷ USD, chiếm 57,1% tổng vốn đầu tư, tạo ra 50% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ chốt của nền kinh tế như dầu khí, điện tử, viễn thông... Tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 57,3 tỷ USD (chiếm 17,1% tổng vốn đầu tư); sản xuất, phân phối điện, khí nước với 22,7 tỷ USD (chiếm 6,8% tổng vốn đầu tư). Đầu tư nước ngoài hiện là nguồn vốn bổ sung quan trọng, chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư cả nước, đóng góp khoảng 20% GDP. Năm 2017, khu vực FDI đóng góp gần 8 tỷ USD, chiếm 14,4% tổng thu ngân sách.

Cùng với tạo việc làm và bổ sung vốn cho nền kinh tế, sự năng động của khu vực FDI đã có những tác động tích cực trong thu hút và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam. Trước hết, thông qua các dự án FDI, trình độ công nghệ

Chuyển giao công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt là những nước đang phát triển như Việt Nam. Sau 30 năm thực hiện chính sách mở cửa, khu vực vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã trở thành một bộ phận quan trọng và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nước ta. Tuy nhiên, một trong những mục đích chính của việc thu hút FDI là chuyển giao công nghệ lại chưa đạt kết quả như mong đợi, đòi hỏi cần có những cơ chế, chính sách cũng như nỗ lực từ các doanh nghiệp trong nước để công nghệ sản xuất của khu vực FDI lan toả và mang lại hiệu quả hơn.

sản xuất trong nước được nâng lên rõ rệt so với thời kỳ trước đây. Hiệu ứng ngành nghề mới, công nghệ mới của các doanh nghiệp FDI đã giúp nhiều ngành kinh tế của Việt Nam có công nghệ tiên tiến, hiện đại, sản xuất ra các sản phẩm mới.

Bên cạnh đó, sự có mặt của doanh nghiệp FDI đã tạo nên sức ép cạnh tranh, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước phải đổi mới công nghệ bằng việc nâng cấp, nhập các thiết bị và dây chuyền công nghệ mới. Nhờ đó, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm sản xuất trong nước ngày càng được nâng cao, với hình thức, mẫu mã đẹp, giá thành hợp lý, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu

thị trường trong nước, góp phần thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài. Đây có thể coi là hình thức chuyển giao công nghệ gián tiếp và trên thực tế có nhiều doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh lên nhờ cách tiếp cận này.

Chuyển giao công nghệ được đánh giá là khá thành công ở một số ngành và lĩnh vực kinh tế như viễn thông, dầu khí, xây dựng... Đơn cử như ngành viễn thông Việt Nam đã có bước tiến đáng kể so với nhiều năm trước đây. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XX, các doanh nghiệp viễn thông trong nước như Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)... đã bắt tay hợp tác với một số doanh nghiệp

nước ngoài và áp dụng cơ chế cạnh tranh. Nhờ đó đến nay nhiều công nghệ hiện đại đã được chuyển giao và ứng dụng thành công như mạng viễn thông số hóa, mạng cáp quang, công nghệ GSM và CDMA, đặc biệt là công nghệ 4G - một sự hội tụ của nhiều công nghệ mạng hiện có để cung cấp một kết nối mọi lúc, mọi nơi với tốc độ cao, giá thành hợp lý, dịch vụ chất lượng cao. Hiện một số công nghệ mới như WiMax và mobile TV cũng đang được thử nghiệm để đưa vào ứng dụng. Sự đổi mới không ngừng về công nghệ của ngành viễn thông đã kéo theo số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin vào kinh doanh, thương mại điện tử tăng nhanh, nhất là trong những năm gần đây.

Bên cạnh đó là kết quả đáng ghi nhận trong chuyển giao công nghệ của ngành dầu khí nước ta. Xác định rõ vai trò quan trọng của công nghệ nên các công ty dầu khí trong nước đã sớm có quy định về chuyển giao công nghệ, đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật trong các hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí. Điều này đã giúp không ít công ty dầu khí nước ta không những làm chủ được nhiều công nghệ hiện đại và phức tạp trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, mà còn có năng lực về công nghệ và nhân lực tham gia một số liên doanh ở nước ngoài. Nhiều phần mềm xử lý và minh giải tài liệu địa chấn, mô hình hóa và mô phỏng mỏ, thiết kế khai thác, công nghệ khai thác của các hãng Schlumberger, Landmark, GeoQuest... được ứng dụng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia, dù được trải nhiều "thảm đỏ" với những ưu đãi về đất đai, thuế... song "hiệu ứng tràn"

công nghệ từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước sau 30 năm có mặt tại Việt Nam còn khá hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn tới. Mặc dù một số doanh nghiệp FDI đã thực hiện chuyển giao công nghệ cho Việt Nam, tuy nhiên số lượng không nhiều. Giai đoạn 2006 - 2015, trong số 14.000 dự án FDI thì số hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký kết là rất ít ỏi, chỉ chiếm tỷ lệ 4,28% (khoảng 600 hợp đồng). Theo Diễn đàn kinh tế thế giới 2016, hiệu quả chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp FDI của Việt Nam là khá thấp và có xu hướng ngày càng bị đẩy ra xa so với các quốc gia trong khu vực. Năm 2014, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 103, giảm 46 bậc so năm 2009, trong khi đó Thái Lan thứ 36, Indonesia thứ 39, Malaysia thứ 13. Một con số khác, mặc dù Việt Nam được xếp hạng đứng thứ 50 trên tổng số 141 nước trong bảng Xếp hạng về năng lực cạnh tranh công nghiệp năm 2016 của Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), tuy tăng 44 bậc so năm 1990, song trong khu vực ASEAN, Việt Nam cũng chỉ đứng trên Philippines (hạng 53) và Campuchia (hạng 90).

Có 3 lý do chính dẫn đến thực trạng này, đó là động lực của các doanh nghiệp FDI, thực trạng của doanh nghiệp trong nước và môi trường thể chế vĩ mô đối với vấn đề chuyển giao khoa học công nghệ.

Thứ nhất, về động lực của các doanh nghiệp FDI, kể từ khi bắt đầu bước chân đến Việt Nam cho đến nay, mục tiêu chính của các nhà đầu tư vẫn là tận dụng lao động giá rẻ và chiếm lĩnh thị trường nội địa. Do đó, phần lớn các công nghệ chuyển giao vào Việt Nam chỉ đạt mức trung bình

hoặc trung bình tiên tiến so với các nước trong khu vực. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có tới hơn 80% doanh nghiệp FDI hoạt động tại Việt Nam sử dụng công nghệ trung bình của thế giới; 14% ở mức thấp và lạc hậu, gây ra tình trạng gây ô nhiễm môi trường, phát thải nhiều khí các-bon; và chỉ có 5 - 6% sử dụng công nghệ cao, tiên tiến, thấp hơn nhiều so mục tiêu đặt ra là 35 - 40%. Ngay cả một số tập đoàn công nghệ cao nổi tiếng toàn cầu như Nokia, Samsung... thì công đoạn sản xuất tại Việt Nam cũng chỉ là khâu lắp ráp (công đoạn cuối), không đòi hỏi lao động chất lượng cao và công nghệ tiên tiến. Xét về "vòng đời công nghệ", rất ít doanh nghiệp FDI sở hữu công nghệ có vòng đời nằm trong vòng 5 năm trở lại đây, đa số công nghệ là 10 năm và cũ hơn thế.

Ngoài ra, khả năng kết nối và chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn tương đối yếu, số dự án chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước hiện nay khá hiếm hoi. Bên cạnh đó còn là câu chuyện không ít doanh nghiệp FDI "giấu" công nghệ và chỉ chuyển giao khi tìm thấy lợi ích. Theo kết quả của một khảo sát, hầu hết các doanh nghiệp trong nước cho rằng họ nhận chuyển giao từ các doanh nghiệp khác ngành ở trong nước mà không phải từ các doanh nghiệp FDI, hay gọi là sự chuyển giao công nghệ theo chiều dọc. Còn theo kết quả điều tra hàng năm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các doanh nghiệp FDI chỉ mua khoảng 26,6% thiết bị đầu vào từ doanh nghiệp Việt, còn lại là nhập khẩu và nhập từ công ty mẹ. Đây là nguyên nhân lý giải tại sao sự tham gia của doanh

ngành Việt Nam trong chuỗi giá trị gia tăng còn thấp, ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước chưa phát triển mạnh mẽ và việc chuyển giao công nghệ tiên tiến cho doanh nghiệp nội không đạt kết quả như kỳ vọng.

Thứ hai, về năng lực hấp thụ của doanh nghiệp trong nước. Muốn hấp thụ được công nghệ từ nước ngoài, đòi hỏi nguồn nhân lực phải được đào tạo bài bản và am hiểu về công nghệ cũng như phải có một hạ tầng đủ khả năng tiếp nhận các công nghệ mà các doanh nghiệp FDI mang vào. Tuy nhiên năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam còn khá hạn chế với nhiều lý do như: Trình độ lao động nước ta chưa cao, sự đầu tư cho nghiên cứu phát triển, trình độ công nghệ hiện tại thấp...

Theo Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ (Khoa học và Công nghệ), hiện trình độ năng lực công nghệ và khả năng giải mã công nghệ của Việt Nam thấp nhất ASEAN. Tỷ lệ nhóm ngành sử dụng công nghệ cao của Việt Nam chỉ đạt khoảng 20%, tỷ lệ này của Thái Lan là 31%, Singapore là 73%, Malaysia là 51%, trong khi tiêu chí để đạt trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là trên 60%. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam được thế giới đánh giá đứng sau nhiều nước châu Á như Thái Lan, Philippines, Malaysia, Ấn Độ... Bên cạnh đó, bản thân các doanh nghiệp trong nước cũng chưa có sự chuẩn bị cần thiết để sẵn sàng tiếp nhận công nghệ mới.

Hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) đóng vai trò nền tảng cho sự thành công lâu dài của doanh nghiệp và là thước đo hiệu quả đầu tư khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, số doanh nghiệp trong nước có cơ sở nghiên cứu và triển khai cũng chỉ ở mức thấp,

chỉ khoảng 20%. Hơn nữa, tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế, được đánh giá là thấp nhất trong khu vực ASEAN. Chi phí R&D chủ yếu mới chỉ đầu tư vào người quản lý mà không phải mua bán dây chuyền công nghệ, hay nếu có đầu tư vào công nghệ thì với mục đích giảm giá thành sản phẩm thay vì tạo ra sản phẩm mới để thâm nhập thị trường. Thực tế này dẫn tới khả năng hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao và khó có thể hợp tác được với doanh nghiệp ngoại ngay cả khi có cơ hội.

Thứ ba, về môi trường thể chế, chính sách. Theo nhận định của các chuyên gia, trong 30 năm qua, chính sách thu hút FDI của Việt Nam theo xu hướng "trải thảm", mà chưa đưa ra các điều kiện ràng buộc doanh nghiệp FDI phải có trách nhiệm chuyển giao công nghệ hay hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp trong nước, đặc biệt tại các địa phương. Những năm qua, các hình thức chuyển giao công nghệ diễn ra được điều chỉnh bởi nhiều luật khác nhau (Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Đầu tư, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thương mại...), tuy nhiên trong các văn bản luật chưa có điều khoản nào quy định vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc thẩm định và thẩm tra công nghệ, đối với các công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào.

Cùng với đó, môi trường thu hút FDI của Việt Nam chưa thực sự khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, cũng như Việt Nam chưa có một quy hoạch hay chiến lược cụ thể nào để thúc đẩy sự tương tác, liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

Về khả năng thực thi chính sách ở cấp địa phương, tại một

số tỉnh, thành phố còn tồn tại yếu tố chi phí không chính thức, tác động không nhỏ đến quyết định phát triển hay chuyển giao khoa học công nghệ của doanh nghiệp. Một số địa phương chưa chú ý nâng cao năng lực thẩm định để lựa chọn dự án FDI công nghệ cao, hiện đại gắn với chuyển giao công nghệ nhằm thực hiện có hiệu quả tái cấu trúc nền kinh tế theo mô hình tăng trưởng mới. Không ít trường hợp do dễ dãi trong việc thẩm tra năng lực nhà đầu tư, đã nhập khẩu máy móc, thiết bị qua sử dụng, lạc hậu, đã bị thải loại ở nước ngoài.

Trước tình trạng trên, việc kiểm soát thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng dần được siết chặt, một số văn bản chính sách với mục tiêu ngăn ngừa nhập khẩu công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam thông qua các dự án đầu tư được ban hành. Ví dụ như Thông tư số 23/2015/TT-BKH&CN đưa ra quy định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải đáp ứng điều kiện tuổi thiết bị không quá 10 năm và đã được sản xuất phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và môi trường.

Đặc biệt, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018, đã quy định chi tiết Danh mục công nghệ cấm chuyển giao như: Các công nghệ, máy móc, thiết bị kèm theo công nghệ không còn sử dụng phổ biến và chuyển giao ở các quốc gia đang phát triển; Công nghệ sử dụng hóa chất độc hại. Luật mới này cũng đồng thời khuyến khích chuyển giao công nghệ sản xuất, sử dụng

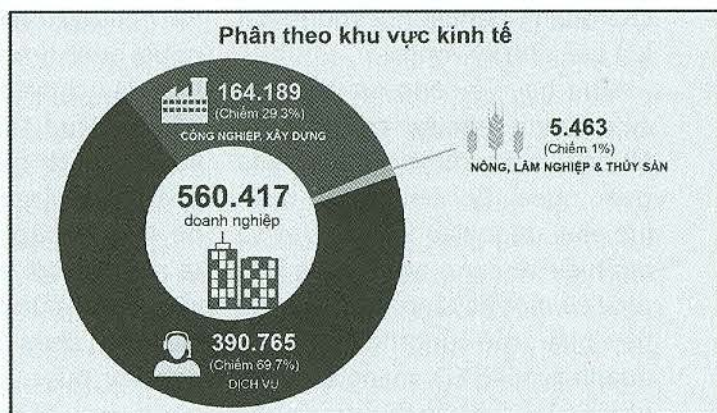
năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghệ tạo ra sản phẩm sử dụng đồng thời cho quốc phòng, an ninh và dân dụng...

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh ngày càng gay gắt thì vấn đề tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu... là một trong những ưu tiên hàng đầu. Do đó chiến lược thu hút FDI thế hệ mới của Việt Nam trong thời gian tới được xác định hướng đến thu hút FDI theo quy hoạch chung của các ngành, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện với môi trường và tiêu thụ ít năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.

Sự hoàn thiện về các văn bản pháp lý cũng như định hướng thu hút FDI "thế hệ mới" sẽ tạo môi trường pháp lý để hoạt động chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đạt hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn cần thiết xây dựng kênh chuyển giao công nghệ nhanh hơn thông qua các chính sách và cơ chế liên kết giữa hai loại hình doanh nghiệp, bao gồm phát triển công nghiệp hỗ trợ, liên kết theo chuỗi cung ứng sản phẩm, chuyển giao và ứng dụng công nghệ. Các tỉnh, thành phố và Ban quản lý KKT, KCN, trong khi tiếp nhận dự án FDI, cần coi chuyển giao công nghệ như một yếu tố quan trọng khi thẩm định dự án và quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư, đồng thời cần có sự theo dõi việc thực hiện chuyển giao công nghệ để áp dụng chính sách ưu đãi, xử lý những trường hợp không hoặc tìm cách trì hoãn việc chuyển giao công nghệ.

Yếu tố nội lực của doanh nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động chuyển giao công nghệ. Do đó, các doanh nghiệp trong nước cần tự đổi mới và chủ động nỗ lực tìm kiếm các kênh chuyển giao công nghệ phù hợp, thông qua hợp đồng mua phát minh, bản quyền, thương quyền, hợp tác nghiên cứu với cơ quan, tổ chức trong nước hay các doanh nghiệp FDI. Những phương thức chuyển giao công nghệ thành công gắn với thu hút FDI trong các ngành dầu khí và viễn thông cần được làm hình mẫu để ứng dụng vào các ngành, địa phương thích ứng với tình hình thực tế, giúp đẩy mạnh việc ứng dụng rộng rãi công nghệ mới ở nước ta, từ đó nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam./.

Doanh nghiệp đang hoạt động năm 2017



Doanh nghiệp đang hoạt động

279.360
doanh nghiệp

Năm 2010



10,5%

BQ giai đoạn
2010-2017

560.417
doanh nghiệp

Năm 2017

